

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HC - PT

Ngày: 22/01/2024

V/v: *Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại điểm cầu Trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, trực tuyến công khai, vụ án hành chính thụ lý số 715/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 10 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2023/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Xuân L; sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Xuân L: Ông Cao Văn P; sinh năm 1984; trú tại: Phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Hoàng Văn Đ - Chủ tịch UBND huyện; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Người đại

diện: Ông Lê Xuân B - Chủ tịch UBND thị trấn; vắng mặt.

3.2. Công ty TNHH L2; địa chỉ: Thị Trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị Thanh H - Giám đốc Công ty; vắng mặt.

3.3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, thị Trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Phạm Xuân L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2020, các đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện ông Phạm Xuân L trình bày:*

Gia đình ông Phạm Xuân L có một thửa đất trồng cao su, diện tích khoảng 1.715m² tại khu vực đồi Chuông Trâu. Nguồn gốc đất là do bố mẹ ông L khai hoang từ những năm 1978, là các đầu thừa đất hoang khô cằn, qua nhiều năm cải tạo và đến nay đã trồng được cây cao su và đang khai thác. Thời điểm khai hoang, khu vực này trước đây là nơi tiếp giáp địa giới hành chính giữa Nông trường S, xã X. Do cả hai vợ chồng ông đều không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên bố mẹ để lại thửa đất cho ông L canh tác từ năm 1999, thửa đất là nguồn thu nhập chính của gia đình ông L.

Đất đai của Nông trường S trước đây, sa khi Nông T1 giải thể, UBND tỉnh đều giao hết đất cho Công ty TNHH L2 quản lý sử dụng, những người dân như ông L là con cháu của công nhân Nông trường Sao Vàng lớn lên đều không có đất để canh tác nên phải canh tác vào các thửa đất do bố mẹ khai hoang trước đây để lại. Hiện nay, gia đình ông L đã ổn định sản xuất trên thửa đất hơn 40 năm, không có tranh chấp, Nông Trường S không quản lý và không thu các khoản nghĩa vụ đối với thửa đất này.

Năm 2017, ông L nghe nói có tuyến đường khu công nghiệp đi qua thửa đất của gia đình ông L, ông L cũng chỉ biết vậy chứ không thấy chính quyền địa phương triển khai thông báo hay gửi các văn bản đến cho ông biết, mà chỉ thấy mấy lần gọi lên nhận tiền, lúc thì số tiền này, lúc thì số tiền nọ, vì vậy ông cũng không biết thế nào là đúng, nên không nhận.

Chiều ngày 12/4/2018, ông L được thông báo đến UBND xã X họp để xác định nguồn gốc đất. Tại cuộc họp với thành phần: Hội đồng bồi thường GPMB huyện T, các hộ gia đình thuộc diện GPMB thôn 8, đại diện UBND xã X và Giám đốc Công ty TNHH L2; Tại cuộc họp này, đại diện cho Công ty TNHH L2 phát biểu ý kiến đối với nguồn gốc đất của các hộ là: *“Từ trước tới nay Công ty chúng tôi không quản lý đối với diện tích thửa đất các hộ này, không có hợp đồng giao khoán, không thu nghĩa vụ, do đó Công ty không tham gia và không xác nhận đối với diện tích đất trên”*, cuộc họp này được lập thành văn bản và có đại diện các hộ (là ông H1) ký vào văn bản, các hộ cũng đã ghi âm lại được buổi họp này; Sau cuộc họp, các gia đình đã làm bản kê khai

nguồn gốc đất như Hội đồng bồi thường GPMB hướng dẫn. Vậy mà không hiểu lý do tại sao UBND huyện T lại xác định thửa đất của gia đình ông L là thửa đất của Công ty TNHH L2, mặc dù phía công ty đã từ chối.

Khoảng một tháng sau, trưởng thôn lại tiếp tục bảo gia đình ông L lên xã nhận tiền, xét thấy Hội đồng bồi thường GPMB huyện T có nhiều việc làm không minh bạch, không công khai, không công bằng và có nhiều vi phạm trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, vi phạm các quy định của pháp luật, do đó ông L không đồng ý nhận tiền mà yêu cầu xác định lại nguồn gốc đất cho đúng và thực hiện các bước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2018, UBND huyện T ban hành Quyết định cưỡng chế số 1589/QĐ-UBND, trong Điều 1 Quyết định này có nêu do gia đình ông L “không chấp hành Quyết định thu hồi đất và UBND xã X, Hội đồng bồi thường GPMB đã vận động thuyết phục nhiều lần”, nhưng trên thực tế gia đình ông L không nhận được bất kỳ một văn bản nào từ phía UBND huyện T liên quan đến thu hồi đất, không thấy tổ chức, cá nhân nào đến gia đình ông L vận động, thuyết phục; do đó ông L đã khiếu nại Quyết định này và đến nay ông L vẫn chưa nhận được câu trả lời từ phía UBND huyện T.

Ngày 10/10/2018, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2446/QĐ-UBND về việc phê duyệt, điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB. Theo Quyết định thì gia đình ông L chỉ được bồi thường về đất và hoa màu mà không được hỗ trợ các khoản theo quy định của pháp luật như:

1. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điều 12 Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND tỉnh T.

2. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm công ăn việc làm: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 84; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điều 13 Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND tỉnh T.

UBND huyện T không hỗ trợ cho gia đình ông L ổn định việc làm là không đúng quy định của pháp luật. Một điều đặc biệt trong Quyết định này (Điều 3) phần thực hiện không thấy nói đến ông L phải thực hiện Quyết định này, không nêu rõ thời gian, địa điểm chi trả, thời gian bàn giao đất, Quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai. Do đó, ông L đã tiếp tục khiếu nại quyết định này.

Ngày 28/12/2018, ông L nhận được công văn phúc đáp do có đơn khiếu nại: Công văn số 1811/UBND-GPMB. Nội dung công văn trả lời như sau:

Về nguồn gốc đất: Xác định là đất của Công ty TNHH L2, không có hợp đồng và đóng nghĩa vụ trên đất.

Như vậy, UBND huyện T đã xác định sai nguồn gốc đất đối với thửa đất của gia đình ông L một cách vô lý, không có căn cứ, trong khi phía Công ty TNHH L2 cũng đã nói rõ trong cuộc họp ngày 12/4/2018 là đất Công ty không quản lý, không thu nghĩa vụ như ông L đã trình bày ở trên. Việc đóng nghĩa vụ trên đất là hoàn toàn không có, không biết UBND huyện T căn cứ vào đâu lại nói gia đình ông Lý đ nghĩa vụ trên đất và đóng cho ai ông L cũng không biết, việc này hoàn toàn là bịa đặt, tạo dựng.

- Về phần hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: UBND huyện T không trả lời.

- Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: UBND huyện T căn cứ khoản 1 Điều 20, Nghị định 47/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2013 của Chính phủ và nói không thuộc đối tượng hỗ trợ.

Như vậy trong khi ông L đang hoang mang về căn cứ và cách trả lời của UBND huyện T thì ngày 17/01/2019, UBND huyện T tiếp tục ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất và Quyết định này được thực hiện sau 02 ngày kể từ ngày ông L nhận được Quyết định và thực hiện ngay vào những ngày giáp tết nguyên đán, khi mà các gia đình khó khăn như ông L đang phải xoay xở chạy vạy từng bữa lo cho các con cái tết... việc làm của UBND huyện T đã gây bức xúc cho người dân.

Nội dung Quyết định cưỡng chế có ghi ông L “*Không chấp hành Quyết định thu hồi đất sau khi UBND xã X, Ủy ban MTTQ xã X, Hội đồng bồi thường GPMB đã vận động, thuyết phục nhiều lần*”. Quyết định có nội dung như vậy là không đúng, UBND huyện T chưa giao cho ông L bất kỳ một Quyết định thu hồi đất nào kể từ khi giải quyết, do đó ông L không biết thu đất của ai? để làm gì? diện tích bao nhiêu? thời gian bàn giao đất. UBND xã X và Hội đồng bồi thường GPMB cũng chưa gặp ông L vận động lần nào.

Không đồng ý với việc làm thiếu trách nhiệm, không theo quy định của pháp luật của UBND huyện T trong việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, do đó ngày 28/01/2019 ông L đã khiếu nại Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất; đề nghị xác định lại nguồn gốc đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật, nhưng ngày 30/5/2019 UBND huyện T ban hành Quyết định số 958/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đền bù khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng của 4 công dân xã X (trong đó có gia đình ông L).

Nội dung Quyết định số 958 có nêu 02 Quyết định thu hồi đất là Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 và Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018; nhưng đến nay ông L vẫn chưa nhận được và chưa nhìn thấy các quyết định này.

Về nguồn gốc đất: UBND xã X không quản lý thửa đất của gia đình ông L, nhưng lại căn cứ vào báo cáo của UBND xã X để xác định sai thửa đất của gia đình ông L là của Công ty TNHH L2. Trong khi UBND xã X và UBND

huyện T có đủ điều kiện xác minh, thu thập ý kiến của các ông nguyên là Đội trưởng Đội 8 Nông trường S trước đây, là người trực tiếp quản lý đất của Nông trường qua các thời kỳ xem đất có nguồn gốc như thế nào? cần thiết có thể họp dân để lấy ý kiến cho minh bạch, dân chủ và khách quan, nhưng UBND huyện T lại không thực hiện mà quy kết đất của gia đình ông là của Công ty trên cơ sở báo cáo của UBND xã không trực tiếp quản lý thửa đất là không có căn cứ, thậm chí diện tích thửa đất của gia đình ông L là bao nhiêu xác định cũng không đúng và cũng không đo đạc thửa đất, kiểm đếm cây cao su của gia đình ông L.

Vì vậy, ông Phạm Xuân L đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Hủy Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi đất để GPMB Công trình đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông trục chính Khu công nghiệp L - S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (gọi tắt Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 16/01/2017);

2. Hủy Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông trục chính Khu công nghiệp L - S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (gọi tắt Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 16/01/2017).

3. Hủy Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND huyện T, về việc thu hồi đất GPMB Công trình: Đường giao thông từ Quốc lộ D đến đường H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Tuyến số 12) (gọi tắt Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018).

4. Hủy Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND huyện T, về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án: Đường giao thông từ Quốc lộ D đến đường H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (T) (gọi tắt Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 08/6/2018).

5. Hủy Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND huyện T về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất (gọi tắt Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 26/7/2018).

6. Hủy Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND huyện T, về việc phê duyệt, điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án: Đường giao thông trục chính Khu công nghiệp L - S (T) (gọi tắt Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018).

7. Hủy Công văn số 1811/UBND-GPMB ngày 28/12/2018 của UBND huyện T về việc phúc đáp đơn thư, ngày 28/11/2018 của 05 hộ dân xóm A, xã X (gọi tắt Công văn số 1811/UBND-GPMB ngày 28/12/2018).

8. Hủy Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND huyện T về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất (gọi tắt Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 17/01/2019).

9. Hủy Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện T về giải quyết khiếu nại đền bù khi thu hồi đất giải phóng mặt bằng của 04 công dân (gọi tắt Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/5/2019).

10. Xác định lại nguồn gốc đất và các mức bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

11. Yêu cầu UBND huyện T bồi thường thiệt hại do mất thu nhập đối với hành vi hành chính trái pháp luật gây ra là 02 vụ cạo mủ cao su (năm 2018 và năm 2019) và các dụng cụ phục vụ cho việc khai thác mủ cây cao su với tổng số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại là 49.420.000đ.

** Tại các văn bản số 982/UBND-QLDA ngày 04/6/2020, số 845/UBND-QLDA ngày 19/4/2021, số 2150/UBND-QLDA ngày 25/7/2021 của UBND huyện T có nội dung như sau:*

1. Mục đích và quy trình thực hiện thu hồi đất:

Căn cứ quy định pháp luật về đất đai và Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông từ Quốc lộ D đến đường H, huyện T; Việc thu hồi đất đối với trường hợp hộ ông Phạm Xuân L là thu hồi đất để thực hiện phát triển kinh tế - xã hội và lợi ích Quốc gia công cộng theo qui định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013. Quá trình thực hiện quy trình thu hồi đất và bồi thường GPMB cho hộ ông Phạm Xuân L, Hội đồng BT.GPMB đã thực hiện đầy đủ các quy trình, theo đúng quy định của pháp luật đất đai và quy định của UBND tỉnh T về công tác bồi thường GPMB và bố trí tái định cư.

2. Về nội dung ông Phạm Xuân L đề nghị hủy các quyết định hành chính:

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 26/7/2018, Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 17/01/2019.

Tại Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 26/7/2018, UBND huyện T đã xác định thời hạn cưỡng chế nhưng do điều kiện chưa thực hiện cưỡng chế được nên UBND huyện T chưa thông báo cụ thể ngày cưỡng chế đối với ông Phạm Xuân L, do vậy đến ngày 17/01/2019, sau khi hết thời hạn cưỡng chế tại Quyết định 1589/QĐ-UBND ngày 26/7/2018, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 155 QĐ-UBND ngày 17/01 2019 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất. Tại Quyết định 155/QĐ-UBND đã bãi bỏ Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 26/7/2018. Như vậy, Quyết định số 1589/QĐ-UBND đã không còn hiệu lực thi hành. Mặt khác, do ông Phạm Xuân L không chấp hành Quyết định của cơ quan có thẩm quyền, coi thường pháp luật nên UBND huyện T thực hiện việc cưỡng chế đối với ông là hoàn toàn phù hợp. Trình tự, thủ tục ban hành các quyết định nêu trên đã đảm bảo đúng quy định của Pháp luật, nội dung phù hợp, không trái quy định và tuân theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014. Do vậy, việc ông Phạm Xuân L đề nghị hủy các Quyết định này là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018.

Tại Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018, UBND huyện T đã phê duyệt đầy đủ các nội dung bồi thường cho hộ ông Phạm Xuân L bao gồm: Tiền bồi thường về đất là 30.547.000 đồng, tiền bồi thường cây cối, hoa màu là 33.553.000 đồng, tiền bồi thường vật kiến trúc là 19.819.800 đồng. Ông Phạm Xuân L không thuộc đối tượng hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm như đã trình bày ở phần trên. Do vậy, các nội dung phê duyệt đã đảm bảo đúng quyền lợi của ông Phạm Xuân L và phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Đối với yêu cầu hủy Công văn số 1811/CV-HĐGPMB ngày 28/12/2018 về việc phúc đáp đơn thư của 05 hộ dân xóm A xã X.

Hội đồng BT.GPMB huyện sau khi nghiên cứu, xem xét các quy định của Pháp luật đã có Văn bản số 1811/CV-HĐGPMB ngày 28/12/2018 về việc phúc đáp đơn thư của 05 hộ dân xóm A xã X để trả lời cho các hộ dân. Các nội dung Hội đồng BT GPMB trả lời không trái quy định của Pháp luật và không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Phạm Xuân L; do vậy, việc đề nghị của ông Phạm Xuân L hủy văn bản này là không có cơ sở.

- Về Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 về việc giải quyết khiếu nại, đền bù khi thu hồi đất, GPMB của 04 công dân xã X, huyện T.

Tại Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại, đền bù khi thu hồi đất, BTGPMB của 04 công dân xã X, huyện T, việc trả lời nguồn gốc đất, căn cứ trên xác nhận của UBND xã X và Công ty TNHH L2. UBND huyện T khẳng định nguồn gốc đất của ông Phạm Xuân L là đúng, bởi vì trách nhiệm xác nhận nguồn gốc đất là trách nhiệm của UBND xã. Cũng tại Quyết định này, UBND huyện đã khẳng định hộ ông Phạm Xuân L đề nghị được bồi thường về đất là có cơ sở theo khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai 2013 và UBND huyện đã phê duyệt bồi thường về đất cho ông Phạm Xuân L theo quy định này tại Quyết định 2446/QĐ-UBND. Như vậy, các nội dung trả lời khiếu nại của ông Phạm Xuân L về việc xác nhận nguồn gốc đất và chính sách bồi thường, hỗ trợ về đất là phù hợp với quy định pháp luật về đất đai. Mặt khác, việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đã tuân thủ đầy đủ các quy trình theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Do vậy, nội dung đề nghị hủy Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện T là không có cơ sở pháp lý.

3. Về việc ông Phạm Xuân L khởi kiện việc xác định nguồn gốc đất.

Theo hồ sơ địa chính thì diện tích đất UBND huyện T thu hồi mà ông Phạm Xuân L đang sử dụng là đất do nhà nước giao cho Công ty TNHH L2 quản lý, sử dụng tại Quyết định số 32/QĐ-NNUB của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 06/01/1998 về việc: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường S. Tại hội nghị ngày 15 tháng 4 năm 2018, về xác định nguồn gốc đất do UBND xã X tổ chức có thành phần tham dự của Công ty TNHH L2 và hộ

ông Phạm Xuân L; Hội đồng BT.GPMB huyện đã đề nghị các hộ phải kê khai quá trình sử dụng đất vào đơn xin xác nhận quyền sử dụng, để UBND xã, Công ty TNHH L2, làm căn cứ xác nhận nguồn gốc sử dụng cho các hộ. Đến ngày 21/5/2018, Công ty TNHH L2 có Văn bản xác nhận số 142 và UBND xã X có xác nhận tháng 4 năm 2018 về nguồn gốc sử dụng của hộ gia đình ông L. Theo Quy định của Pháp luật về đất đai, thì trách nhiệm xác nhận nguồn gốc đất cho các hộ, thuộc UBND xã và công ty TNHH L2. Về nội dung này, ông Phạm Xuân L cho rằng việc xác định nguồn gốc đất của Hội đồng GPMB sai là không có cơ sở.

3. Về nội dung yêu cầu UBND huyện T bồi thường thiệt hại do mất thu nhập đối với hành vi hành chính trái pháp luật gây ra:

Từ khi UBND huyện T ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 16/01/2017, Hội đồng GPMB đã mời hộ ông Phạm Xuân L nhận tiền bồi thường GPMB và bàn giao mặt bằng nhưng hộ ông L không nhận tiền. Trong thời gian từ ngày 16/01/2017 đến ngày 17/01/2019, UBND huyện T ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND về việc cưỡng chế và thực hiện Quyết định thu hồi đất, hộ ông L vẫn tiếp tục canh tác và thu cạo mủ đối với vườn cao su gia đình đang canh tác. Đề nghị Tòa án tuyên bác yêu cầu khởi kiện này của ông Phạm Xuân L.

4. Về nội dung yêu cầu hủy các Quyết định 106, 107, 1205, 1206 của UBND huyện T.

- Ngày 16/01/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 106/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 19 hộ đối với 21 thửa đất, trong đó có hộ ông Phạm Xuân L. Đến năm 2018, sau khi xin ý kiến các sở, ngành có liên quan về hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất thì theo Quy định của pháp luật về đất đai, khi nhà nước thu hồi đất phải ban hành Quyết định thu hồi đất đến từng hộ gia đình cá nhân. Vì vậy, để đảm bảo đúng quy định pháp luật cũng như hướng dẫn các sở, ngành cấp tỉnh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 về việc thu hồi đất cho hộ gia đình ông Phạm Xuân L thay thế Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 16/01/2017. Do vậy, nội dung đề nghị hủy Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND huyện T là không có cơ sở pháp lý. Đề nghị Tòa án tuyên bác yêu cầu khởi kiện này của ông Phạm Xuân L.

- Về việc đề nghị hủy các Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 và Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 về phê duyệt phương án bồi thường GPMB thực hiện đầu tư công trình: Đầu tư xây dựng tuyến đường giao trục chính Khu công nghiệp L-S. Tại Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường cho 19 hộ đối với 21 thửa đất, trong đó có hộ ông Phạm Xuân L. UBND huyện T đã mời ông L nhận tiền bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất. Tuy nhiên, hộ ông L không đồng ý nhận tiền; lý do: hộ ông Phạm Xuân L cho rằng

đơn giá bồi thường, hỗ trợ thấp và thiếu cây cối hoa màu trên đất. Sau khi kiểm tra thực tế và xem xét lại chế độ chính sách về đất đai, cây cối hoa màu, Hội đồng GPMB xét thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung cho hộ gia đình ông Phạm Xuân L1.

Đến ngày 10/10/2018, UBND huyện T tiếp tục ban hành Quyết số 2446/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, cho hộ ông Phạm Xuân L thay thế Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 08/6/2018; lý do: Theo hướng dẫn của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T tại Văn bản số 5793/STNMT-CSĐĐ ngày 18/9/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì hộ ông Phạm Xuân L thuộc trường hợp tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, đến thời điểm cuối cùng toàn bộ quyền lợi của ông Phạm Xuân L đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 là đúng với quy định của pháp luật và quy định của UBND tỉnh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Như vậy các Quyết định số 107/QĐ-UBND và Quyết định số 1206/QĐ-UBND không còn hiệu lực. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện này của ông Phạm Xuân L.

** Tại Văn bản số 115/CV-UBND ngày 07/7/2020 của UBND thị trấn S, báo cáo các thông tin để xác định nguồn gốc thửa đất đang khởi kiện cụ thể như sau:*

- Thông tin thửa đất bị thu hồi: Hộ ông Phạm Xuân L đang sử dụng đất của công ty TNHH L2 nằm trong địa giới hành chính xã X (cũ) nay là thị trấn S, huyện T.

Hồ sơ 299, hồ sơ giao đất lâu dài năm 1993, hồ sơ giao đất lâm nghiệp, hồ sơ bàn giao đất nông trường, hồ sơ địa chính năm 2004 không thể hiện, vì đây là đất Nông Trường S (cũ) nay là Công ty TNHH L2 quản lý sử dụng không bàn giao cho địa phương. Hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm kiểm kê thu hồi hộ đang trồng cây L (cao su).

Về đất đai UBND thị trấn chỉ quản lý theo địa giới hành chính, ông L là công dân thường trú tại thị trấn S, UBND không thu nghĩa vụ gì trên đất đối với hộ, không xác nhận nguồn gốc đất và không áp giá đền bù cho hộ.

** Tại Văn bản số 142/BC-LSC ngày 21/5/2018 của Công ty TNHH L2: Diện tích đất các hộ đang sử dụng (trong đó có hộ ông Phạm Xuân L) là đất sản xuất nông nghiệp, nhà nước giao cho Công ty TNHH L2 (trước đây là Nông trường S) quản lý và sử dụng.*

* Ý kiến của bà Lê Thị T: Năm 1999, tôi (Lê Thị T) và chồng tôi là ông Phạm Xuân L kết hôn và ra ở riêng, do không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập, bố mẹ chồng tôi có cho vợ chồng tôi một thửa đất với diện tích khoảng 1.715m² tại khu vực đồi Chuồng Trâu. Nguồn gốc đất là do bố mẹ chồng tôi khai hoang từ các đầu thửa đất hoang từ những năm 1978. Hiện nay,

gia đình tôi đã ổn định sản xuất trên thửa đất hơn 40 năm, không có tranh chấp; Nông trường Sao Vàng không quản lý và không thu các khoản nghĩa vụ đối với thửa đất này.

Việc thu hồi đất có nhiều sai phạm về trình tự thủ tục cũng như xác định nguồn gốc đất, người dân chúng tôi rất bức xúc về cách làm việc của các cấp chính quyền UBND huyện T. Do đó, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét lại trình tự thủ tục thu hồi đất, hủy các quyết định có liên quan xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của gia đình tôi, xác định nguồn gốc đất và các khoản bồi thường hỗ trợ theo quy định pháp luật cho gia đình tôi.

Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2023/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; khoản 3 Điều 345; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện ông Phạm Xuân L đã rút, cụ thể:

+ Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi đất để GPMB Công trình đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông trục chính Khu công nghiệp L - S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông trục chính Khu công nghiệp L - S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án: Đường giao thông từ Quốc lộ D đến đường H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (T).

+ Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

+ Yêu cầu UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa bồi thường thiệt hại do mất thu nhập đối với hành vi hành chính trái pháp luật gây ra là 02 vụ cạo mủ cao su (năm 2018 và năm 2019) và các dụng cụ phục vụ cho việc khai thác mủ cây cao su với tổng số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại là 49.420.000đ.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân L về việc:

- Hủy Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi đất GPMB.

- Hủy một phần Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt, điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án: Đường giao thông trục chính Khu công nghiệp L - Sao Vàng (phần liên quan đến ông Phạm Xuân L).

- Hủy một phần Công văn số 1811/UBND-GPMB ngày 28/12/2018 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc phúc đáp đơn thư, ngày 28/11/2018 của 05 hộ dân xóm A, xã X (phần liên quan đến ông Phạm Xuân L).

- Hủy Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

- Hủy một phần Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/05/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về giải quyết khiếu nại đền bù khi thu hồi đất giải phóng mặt bằng của 04 công dân (phần liên quan đến ông Phạm Xuân L).

- Xác định lại nguồn gốc đất thu hồi của ông Phạm Xuân L và các mức bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/8/2023, người khởi kiện là ông Phạm Xuân L có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền có ý kiến: Chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm là phần người khởi kiện không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, còn đối với phần người khởi kiện rút kháng cáo và Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ thì không kháng cáo.

Lý do kháng cáo yêu cầu hủy các quyết định hành chính: Đất bị thu hồi gia đình ông L đã sử dụng từ năm 1980, nhưng không có hồ sơ địa chính. Quyết định thu hồi đất số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh T được ban hành trái thẩm quyền. Xác định nguồn gốc đất của gia đình ông không đúng; trình tự thủ tục thu hồi đất không đúng; diện tích thu hồi đất không đúng, diện tích của nhà ông hơn 1.700m², nhưng trong quyết định thu hồi đất chỉ có hơn 1.300 m², nhưng không có tài liệu chứng minh. Về bồi thường đất và tài sản trên đất gia đình ông L đồng ý, chỉ không đồng ý việc không được hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm do đất gia đình ông L sử dụng có nguồn gốc là khai hoang, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh, không có hồ sơ pháp lý, gia đình chưa khi nào kê khai đăng ký việc sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tại cấp phúc thẩm, người tiến hành tố tụng

và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính đến trước khi nghị án.

Về nội dung vụ án:

Về trình tự thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị kiện là đúng quy định.

Về căn cứ ban hành các quyết định hành chính bị kiện: Người khởi kiện không có căn cứ chứng minh quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình ông L. Theo Bản đồ giải thửa của Nông trường Sao vàng, thì diện tích đất gia đình ông L đang sử dụng được UBND tỉnh T giao đất cho Nông trường Sao vàng.

Về bồi thường đất bị thu hồi, tài sản trên đất ông L đồng ý. Ông L không được hỗ trợ ổn định đời sống và không được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm thì ông L không đồng ý. Tuy nhiên, ông L không phải đối tượng được hưởng các chế độ hỗ trợ này theo quy định. Do vậy, kháng cáo của ông L không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện đảm bảo thời hạn, nội dung, hình thức nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện là ông Phạm Xuân L yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc:

- Hủy Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc thu hồi đất GPMB.

- Hủy một phần Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt, điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án: Đường giao thông trục chính Khu công nghiệp L - Sao Vàng (phần liên quan đến ông Phạm Xuân L).

- Hủy một phần Công văn số 1811/UBND-GPMB ngày 28/12/2018 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc phúc đáp đơn thư, ngày 28/11/2018 của 05 hộ dân xóm A, xã X (phần liên quan đến ông Phạm Xuân L).

- Hủy Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất.

- Hủy một phần Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/05/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa về giải quyết khiếu nại đền bù khi thu hồi đất giải phóng mặt bằng của 04 công dân (phần liên quan đến ông Phạm Xuân

L).

- Xác định lại nguồn gốc đất thu hồi của ông Phạm Xuân L và các mức bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] *Về đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, quyền khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng, cụ thể:*

Các Quyết định của UBND huyện T gồm: Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 về việc thu hồi đất của ông Phạm Xuân L; Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ; Công văn số 1811/UBND-GPMB ngày 28/12/2018 trả lời đơn thư khiếu nại; Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 về cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/05/2019 về giải quyết khiếu nại.

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 30; Điều 32; khoản 1 Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Khi nhận được Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/05/2019 về giải quyết khiếu nại; ngày 05/02/2020, ông L có đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng.

[2.3] *Xét tính hợp pháp, có căn cứ của các quyết định hành chính bị kiện, Hội đồng xét xử thấy:*

Đối với yêu cầu hủy Quyết định 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018; hủy Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án: Đường giao thông trục chính Khu công nghiệp L - S:

- *Về trình tự, thẩm quyền ban hành các Quyết định 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 và Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018, thấy:*

Ngày 15/12/2014, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 4479/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông trục chính khu công nghiệp L - S; ngày 06/7/2016, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 2422/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh dự án xây dựng công trình: Đường giao thông từ Quốc lộ D đến đường H, huyện T.

Thực hiện Quyết định trên, ngày 04/8/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2914/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư Tiểu dự án GPMB. Dự án Đường giao thông trục chính Khu công nghiệp L - S, huyện T. Trên cơ sở đó, UBND huyện T đã ban hành các Quyết định hành chính về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường khi thu hồi đất và quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo nhiệm vụ được giao theo trình tự sau:

UBND huyện T đã có thông báo thu hồi đất. Sau khi thông báo thì Hội đồng BT GPMB tổ chức Hội nghị triển khai thông báo thu hồi đất (Có biên bản

ngày 22/12/2016). Tại Hội nghị, Hội đồng BTGPMB đã giao trực tiếp thông báo thu hồi đất cho các hộ bị ảnh hưởng tham dự Hội nghị, trong đó có hộ ông L và tiến hành niêm yết công khai.

Tiến hành kiểm kê, kiểm đếm, khảo sát, đo đạc: Hội đồng BT GPMB tổ chức kiểm kê, kiểm đếm, khảo sát đối với hộ ông Phạm Xuân L trên thực địa. Nội dung kiểm kê đã ghi đầy đủ theo đúng quy định vào biên bản kiểm kê và ông Phạm Xuân L ký xác nhận.

Trên cơ sở kết quả kiểm kê tài sản, cây cối hoa màu, Hội đồng BT GPMB xây dựng phương án BT GPMB. Phương án BT GPMB đã được niêm yết công khai để lấy ý kiến các hộ có đất bị thu hồi; sau đó hoàn chỉnh chuyển cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Trên cơ sở kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, ngày 10/10/2018 UBND huyện T ban hành Quyết định số 2446/QĐ-UBND đối với hộ ông Phạm Xuân L. Cụ thể:

Ngày 16/01/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 106/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 19 hộ đối với 21 thửa đất, trong đó có hộ ông Phạm Xuân L. Đến năm 2018, sau khi xin ý kiến các sở, ngành có liên quan về hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất thì UBND huyện đã ban hành Quyết định 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 về việc thu hồi đất cho hộ gia đình ông Phạm Xuân L thay thế Quyết số 106/QĐ-UBND ngày 16/01/2017. Do đó, Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 không còn giá trị pháp lý.

Cùng ngày 16/01/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường cho 19 hộ đối với 21 thửa đất, trong đó có hộ ông Phạm Xuân L. Hộ ông L được bồi thường tiền đất 38.878.000đ, tiền cây cối, hoa màu 20.973.000đ, tiền nhà ở, vật kiến trúc 19.819.800đ. Tổng số tiền được bồi thường 79.670.800đ. Ngày 08/6/2018 UBND huyện T ban hành Quyết định 1206/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung cho hộ gia đình ông Phạm Xuân L. Hộ ông L được hỗ trợ tiền đất 21.382.900đ, tiền bồi thường cây cối, hoa màu 35.553.000đ, tiền bồi thường nhà ở, vật kiến trúc 19.819.800đ. Tổng số tiền được bồi thường 76.755.700đ.

Ngày 10/10/2018, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 2446/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Xuân L thay thế Quyết định 1206/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND huyện T, lý do: Theo hướng dẫn của Sở T tại Văn bản số 5793/STNMT-CSĐĐ ngày 18/9/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì hộ ông Phạm Xuân L thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai 2013.

Như vậy, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 là đúng trình tự, thẩm quyền theo Điều 62, 63, 66, 75 Luật Đất đai năm 2013; Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ GPMB là đúng trình tự

theo quy định tại các Điều 62, 63, 66, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 nhưng không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Bản án sơ thẩm nhận định Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ GPMB là đúng về thẩm quyền là không đúng với tài liệu có trong hồ sơ (BL171).

Về nội dung quyết định hành chính, qua nghiên cứu hồ sơ địa chính qua các thời kỳ và quá trình sử dụng đất, thấy:

+ Theo hồ sơ quản lý đất đai của xã X: Theo hồ sơ 299, hồ sơ giao đất lâu dài năm 1993, hồ sơ giao đất lâm nghiệp, hồ sơ địa chính năm 2005 của xã, hồ sơ bàn giao đất nông trường: Không thể hiện vì là đất của Nông trường S, không bàn giao về cho xã quản lý.

+ Quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông Phạm Xuân L: Theo đơn xác nhận nguồn gốc đất do hộ kê khai ngày 16/4/2018, ông Lý giải t: gia đình ông sử dụng thửa đất trên từ những năm 1978 đến thời điểm nhà nước thu hồi, tuy nhiên ông L không có hồ sơ để chứng minh quá trình sử dụng đất.

+ Tại Công văn số 142/BC-LSC ngày 21/5/2018 của Công ty TNHH L2 gửi Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện T và tại Công văn số 69/CV-LSC ngày 19/8/2021 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Theo bản đồ giải thửa của Nông trường Sao Vàng tại thửa đất số 389, tờ bản đồ số 15, diện tích 66.859m² thuộc đất Nhà nước giao cho Công ty TNHH L2 quản lý (Theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc cấp GCNQSD đất cho Nông trường S, nay là Công ty TNHH L2 với diện tích là 2.831,8ha). Hộ ông Phạm Xuân L đang sử dụng trên cùng thửa đất với một số hộ khác thuộc một phần diện tích trong thửa đất số 389, diện tích 66.859m², tờ bản đồ số 15, đội 8 bản đồ giải thửa Nông trường S, không có hợp đồng giao khoán và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Công ty, diện tích 1,13ha tại xứ đồng Chuồng Trâu, đội 8, trạm NL số C.

+ Theo ý kiến của UBND thị trấn S tại Công văn số 115/CV-UBND ngày 07/7/2020: Thửa đất hộ ông Phạm Xuân L đang sử dụng là của Công ty TNHH L2 (trước đây là Nông trường S), UBND thị trấn chỉ quản lý theo địa giới hành chính; ông L là công dân thường trú tại thị trấn S, UBND không thu nghĩa vụ gì trên đất đối với hộ, không xác nhận nguồn gốc đất và không áp giá đền bù cho hộ.

+ Theo hồ sơ giải phóng mặt bằng: Thửa đất thu hồi thuộc phạm vi GPMB, dự án: Đường giao thông trục chính KCN L - S, huyện T (tuyến số 12).

- Đối với hộ ông Phạm Xuân L sử dụng đất không có hợp đồng thuê khoán với Công ty TNHH L2, có đóng góp nghĩa vụ trên đất; Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật đất đai 2013: “2. Đối với đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/07/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với

diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”.

Như vậy, UBND huyện T xác định diện tích đất thu hồi thực tế của hộ ông L là 1.388,5m² là đất nông nghiệp, được bồi thường về đất là 30.547.000 đồng, bồi thường cây cối hoa màu là 35.553.000đ, bồi thường nhà ở, vật kiến trúc 19.819.800đ; Tổng số tiền được bồi thường 85.917.800đ. Gia đình ông L không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là đúng quy định của pháp luật.

Ông Phạm Xuân L khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND huyện T là không có căn cứ chấp nhận. Đối với Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T ban hành không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, về nội dung phù hợp với quy định không làm thiệt hại đến quyền lợi của người khởi kiện; do vậy, xét thấy không cần thiết phải hủy quyết định, nhưng kiến nghị UBND huyện T nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.4] Từ những nội dung phân tích trên, Bản án sơ thẩm nhận định Công văn số 1811/UBND-GPMB ngày 28/12/2018 của UBND huyện T về việc phúc đáp đơn thư của 05 hộ dân xóm A, xã X (trong đó có hộ ông Phạm Xuân L) và Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại đền bù khi thu hồi đất giải phóng mặt bằng của 04 công dân xã X, huyện T (trong đó có ông Phạm Xuân L) là đúng quy định pháp luật; ông L khởi kiện yêu cầu hủy là không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu xác định lại nguồn gốc đất:

Theo hồ sơ địa chính thì diện tích đất UBND huyện T thu hồi mà ông Phạm Xuân L đang sử dụng là đất do nhà nước giao cho Công ty TNHH L2 quản lý, sử dụng tại Quyết định số 32/QĐ-NN/UB của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 06/01/1998 về việc: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường S. Hiện nay chưa có quyết định nào hủy bỏ hay thay thế Quyết định số 32/QĐ-NN/UB của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 06/01/1998.

Tại hội nghị ngày 15/4/2018, về xác định nguồn gốc đất do UBND xã X tổ chức có thành phần tham dự của Công ty TNHH L2 và hộ ông Phạm Xuân L; Hội đồng BT, GPMB huyện đã đề nghị các hộ phải kê khai quá trình sử dụng đất vào đơn xin xác nhận quyền sử dụng để UBND xã, Công ty TNHH L2 làm căn cứ xác nhận nguồn gốc sử dụng cho các hộ. Đến ngày 21/5/2018, Công ty TNHH L2 có Văn bản xác nhận số 142 và UBND xã X có xác nhận tháng 4/2018 về nguồn gốc sử dụng của hộ gia đình ông L. UBND xã X tổ chức hội nghị ngày 15/4/2018 về xác định nguồn gốc đất hộ ông Phạm Xuân L là đúng quy định. Gia đình ông L không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh nguồn gốc đất do gia đình ông L khai hoang. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Xuân L cho rằng diện tích đất thu hồi là do gia đình ông L khai hoang.

[2.6] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Trên cơ sở Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T, Hội đồng BT GPMB đã mời hộ gia đình ông L và có văn bản thông báo về việc chi trả tiền BT GPMB cho ông Phạm Xuân L, nhưng hộ ông L không nhận giấy mời lần 2 ngày 14/6/2018, lần 3 ngày 15/6/2018 và không đến nhận tiền. Hội đồng BT GPMB phối hợp MTTQ xã, UBND xã tổ chức tuyên truyền, vận động nhưng hộ gia đình ông L không thực hiện. Vì vậy, ngày 17/01/2019, UBND huyện T ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất (thời gian thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất từ ngày 24/01/2019 đến ngày 31/01/2019) và thành lập Ban cưỡng chế thu hồi đất. Sau khi có quyết định cưỡng chế, Hội đồng BT, GPMB đã thực hiện việc giao quyết định cưỡng chế và tiếp tục phối hợp UBND xã, MTTQ xã tiếp tục vận động, thuyết phục nhưng hộ ông L vẫn không chấp hành việc giao đất. Ngày 24/01/2019, UBND huyện đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Xuân L. Như vậy, về trình tự, thủ tục ban hành quyết định cưỡng chế là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai 2013. Tuy nhiên, UBND huyện T ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND, ngày 17/01/2019 là không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013. Bản án sơ thẩm nhận định UBND huyện T ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND, ngày 17/01/2019 đúng thẩm quyền là không đúng với tài liệu có trong hồ sơ và các quy định nêu trên. Tuy nhiên, việc cưỡng chế là có căn cứ nên xét thấy không cần thiết phải hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 155/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND huyện T nhưng UBND huyện T và Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí: Kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Xuân L không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí thẩm đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 0006623 ngày 23/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Xuân L; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2023/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Xuân L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đồng theo Biên lai thu số 0006623 ngày 23/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa